

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-PT

Ngày: 22 - 11 - 2018

V/v Tranh chấp yêu cầu hủy Hợp
đồng tặng cho quyền sử dụng đất và
Hợp đồng tặng cho nhà ở vô hiệu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông La Minh Tường.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính
Ông Trương Cao Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Phước Ngưỡng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2018/ TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và Hợp đồng tặng cho nhà ở vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân thị xã H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị M**; sinh năm 1927.

Địa chỉ: Đường N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim P ;

Địa chỉ: Đường N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo giấy ủy quyền ngày 14/9/2018). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thị Trà M, Công ty luật hợp danh T, Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt. Luật sư Nguyễn Hoài N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bị đơn: Ông **Lê Thanh T**; sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn Dưỡng M, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân thị xã H; địa chỉ: Đường N, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thanh B, chức vụ: Trưởng Phòng và ông Nguyễn Đình B, chức vụ: Phó Trưởng phòng T (giấy ủy quyền ngày 28/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H); ông Nguyễn Đình B có mặt, ông Võ Thanh B xin vắng mặt.

+ Phòng Công chứng số tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: Đường N, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy H - Công chứng viên (theo giấy ủy quyền ngày 18/4/2018 của Trưởng Phòng Công chứng số tỉnh Thừa Thiên Huế). Có mặt.

+ Bà Hoàng Thị Ngọc C, cùng các con là chị Lê Thị Thanh N, chị Lê Thị Ái V, anh Lê Minh H; Cùng địa chỉ: N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà C đại diện cho các con, có mặt.

+ Bà Dương Thị A, vợ ông T (Ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 15/11/2018).

4. Người làm chứng: Bà Lê Thị Kim P; địa chỉ: Lê C, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn - ông Lê Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hoàng Thị Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Năm 1980 bà Lê Thị M có tạo lập được một thửa đất có diện tích 164,2m² ở tại khu 6 (nay là tổ số) thị trấn P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã được Ủy ban nhân dân thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V218091 ngày 14/6/2004 đứng tên Lê Thị M. Trên thửa đất này bà M có làm một ngôi nhà để ở. Đến năm 2003, do nhà xuống cấp nên bà M cùng bà Lê Thị Kim P là con gái góp tiền xây dựng nhà. Trong đó, bà M được họ hàng cho số tiền 60.000.000đ, còn bà P góp số tiền 50.000.000đ.

Đến năm 2009, con cháu cần vốn làm ăn nên bà M đã cho các con là Lê Thanh S và Lê Thanh T mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn Ngân hàng. Lợi dụng bà M không biết chữ nên các ông S và ông T đã lừa dối để bà M ký hợp đồng tặng cho toàn bộ nhà, đất cho ông S và ông T, năm 2010 ông S chết. Đến năm 2013, bà M đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ và các con của ông S và ông T có viết giấy trả lại nhà đất cho bà M nhưng thực tế lại không trả.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Phòng công chứng số tỉnh Thừa Thiên Huế công chứng ngày 28/5/2009 và Hợp đồng tặng cho nhà ở do Phòng T huyện H (nay là thị xã H) chứng thực ngày 04/6/2009 giữa bên tặng cho là bà Lê Thị M với bên được tặng cho là ông Lê Thanh S và ông Lê Thanh T do vô hiệu.

Bị đơn ông Lê Thanh T trình bày: Về nguồn gốc nhà đất nói trên thống nhất lời khai của bà M. Tuy nhiên vào năm 2009, bà M đã tặng cho các con là ông S và ông T, việc tặng cho nhà đất có lập hợp đồng tại Phòng công chứng số tỉnh Thừa Thiên Huế và tại Phòng T huyện H. Khi tặng cho các tài sản trên bà M vẫn còn minh mẫn, khỏe mạnh. Mục đích bà M tặng cho nhà, đất nói trên là để sau này con cháu có vốn làm ăn và làm nơi thờ tự chứ không phải cho mượn để làm ăn như bà M trình bày.

Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặc dù ông T đã trả hết nợ cho Ngân hàng, nhưng do có tranh chấp nên Ngân hàng vẫn còn giữ lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ giấy tờ liên quan. Hiện nay ông T không đồng ý trả lại nhà đất cho bà M vì muốn giữ lại để làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Bà Lê Thị Kim P trình bày:* Về nguồn gốc thửa đất bà P thống nhất như trình bày bà M. Đối với ngôi nhà ở trên đất, vào năm 1981 bà M có tạo lập một ngôi nhà phen tre để ở. Đến năm 2003, do ngôi nhà xuống cấp nên bà và bà M cùng nhau góp tiền xây dựng nhà cấp 4 kiên cố như hiện nay, trong đó bà P góp 50.000.000đ và bà M góp 60.000.000đ. Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà M, vì ngôi nhà trên đất là tài sản chung của bà và bà M.

- *Bà Hoàng Thị Ngọc C trình bày:* Bà và ông S có 03 người con chung là Lê Thị Thanh N, Lê Thị Ái V và Lê Minh H, ông S đã chết vào năm 2010. Trước khi ông S chết có nói với bà là do bà M già yếu, quá tuổi nên Ngân hàng không cho vay. Việc bà M làm hợp đồng tặng cho ông S và ông T nhà và đất là cho mượn chứ không cho hẳn. Bà M tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở cho ông S và ông T thì bà không biết. Nay bà M khởi kiện thì bà không đồng ý vì muốn để lại nhà đất làm nơi thờ cúng tổ tiên.

- *Bà Dương Thị A (vợ của ông T) trình bày:* Việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị M và ông Lê Thanh T, bà A không biết.

- *Ủy ban nhân dân thị xã H trình bày:*

Tại thời điểm năm 2009 do trên địa bàn thị xã H chưa thực hiện chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho người dân. Việc xác định nhà trên đất chỉ theo sự trình bày của các bên, Phòng T không có trách nhiệm phải đi kiểm tra nhà thực tế. Việc công chứng hợp đồng tặng cho nhà ở khi nhà ở chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo Luật nhà ở năm 2005 là không đúng. Tuy nhiên, để giúp người dân, đồng thời nhận thấy thời điểm đó nếu không chứng thực hợp đồng tặng cho nhà ở thì có thể các bên sẽ xảy ra tranh chấp nên đã tiến hành chứng thực hợp đồng. Căn cứ vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tặng cho nhà ở, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh thị xã H đã đăng ký

biến động chủ sử dụng đất từ bà Lê Thị M sang ông S và ông T. Tuy nhiên, không đăng ký biến động quyền sở hữu nhà ở. Nay có tranh chấp thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Phòng công chứng số tỉnh Thừa Thiên Huế trình bày:

Ngày 28/5/2009, Phòng công chứng số tỉnh Thừa Thiên Huế có công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà M với ông S và ông T đối với thửa đất số 196, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu (nay là tổ số) phường P, thị xã, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hồ sơ công chứng đầy đủ theo quy định của pháp luật. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất sau khi được công chứng viên soạn thảo xong thì bà Lê Thị M đã ký vào từng trang và tại trang thứ ba của hợp đồng bà M đã ký và ghi rõ họ tên vào hợp đồng nên đã thể hiện ý chí của bà M khi giao kết hợp đồng, việc yêu cầu người làm chứng là không cần thiết. Trình tự, thủ tục, nội dung, đối tượng của hợp đồng tặng cho nói trên là đảm bảo quy định của pháp luật. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không thể hiện ngôi nhà trên đất là do các bên chỉ xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở.

Tại bản án số 04/2018/DS-ST ngày 20/6/2018, Tòa án nhân thị xã, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 40, điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 122, 127, 128 Bộ luật dân sự năm 2005; -khoản 1 Điều 91 Luật Nhà ở năm 2005, Khoản 1 Điều 9 Luật công chứng năm 2006; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hợp đồng tặng cho nhà ở.

- Tuyên bố: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Phòng công chứng số tỉnh Thừa Thiên Huế công chứng ngày 28/5/2009 giữa bên tặng cho là bà Lê Thị M với bên được tặng cho là ông Lê Thanh S và ông Lê Thanh T đối với thửa đất số 196, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu (nay là tổ số) phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Hợp đồng tặng cho nhà ở do Phòng T huyện Hương Thủy (nay là thị xã H) chứng thực ngày 04/6/2009 giữa bên tặng cho là bà Lê Thị M với bên được tặng cho là ông Lê Thanh S và ông Lê Thanh T đối với ngôi nhà có diện tích 50 m² gắn liền với thửa đất số 196, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu (nay là tổ số) phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là vô hiệu.

Bà Lê Thị M có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 22/6/2018, ông Lê Thanh T có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M.

Ngày 26/6/2018, bà Hoàng Thị Ngọc C có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu ý kiến: Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị, khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, bà C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.1] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:

Bà Lê Thị M là nguyên đơn khi khởi kiện vụ án và đối tượng khởi kiện là nhà, đất đang đứng tên ông Lê Thanh S và ông Lê Thanh T là chủ sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Trong ông S là con trai bà M chết vào ngày 20/11/2010. Theo quy định của pháp luật về thừa kế thì bà M là người thừa kế thuộc hàng thứ nhất theo pháp luật của ông Sơn. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định bà M đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngoài tư cách nguyên đơn là bỏ sót người tham gia tố tụng.

Đối với bà Lê Thị Kim P, tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử (bl 281) xác định bà P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhưng tại bản án sơ thẩm, chỉ xác định bà P là người đại diện hợp pháp của bà M. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đối với bà P của Tòa án cấp sơ thẩm là không đầy đủ, không thống nhất và thiếu sót. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định thêm bà P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ngoài tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà M, chứ không phải là người đại diện hợp pháp của bà M.

Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Hương Thủy. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do khoản vay giữa ông S và ông T với Ngân hàng đã trả xong, quyền lợi của Ngân hàng là đảm bảo nên không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng nhưng lại hướng dẫn bà M liên hệ với Ngân hàng để nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa Ngân hàng Nông vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi đó mới có cơ sở và căn cứ để buộc Ngân hàng

phải trả lại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên được Tòa án công nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất hợp pháp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và áp dụng điều luật để giải quyết vụ án:

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và Hợp đồng tặng cho nhà ở đều được công chứng, chứng thực theo quy định và nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố các hợp đồng, văn bản trên vô hiệu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và Hợp đồng tặng cho nhà ở vô hiệu” là không chính xác mà cần xác định đây là “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo quy định tại khoản 11 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự mới đúng.

Trong vụ án này, bị đơn ông Lê Thanh T không có yêu cầu phản tố và có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự trong phần Quyết định là nhầm lẫn và không chính xác.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Phòng công chứng số tỉnh Thừa Thiên Huế công chứng ngày 28/5/2009 và Hợp đồng tặng cho nhà ở do Phòng T huyện H chứng thực ngày 04/6/2009 giữa bên tặng cho là bà Lê Thị M với bên được tặng cho là ông Lê Thanh S và ông Lê Thanh T. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ để nhận định, đánh giá và tuyên bố hai Hợp đồng nói trên cùng các văn bản công chứng, chứng thực của hai hợp đồng này vô hiệu là có căn cứ đúng pháp luật, nhưng không giải quyết hậu quả pháp lý của Hợp đồng vô hiệu là giải quyết vụ án không triệt để theo quy định tại Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 về giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, dẫn đến bản án không thi hành được, cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện vẫn đứng tên ông Lê Thanh S và ông Lê Thanh T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định bà Lê Thị M có quyền liên hệ với Ngân hàng thị xã H để nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở và không đúng đối tượng, hơn nữa hợp đồng thế chấp này chưa xóa đăng ký thế chấp. Nếu buộc Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M thì phải tuyên trong phần quyết định mới thi hành được.

- Hiện nay gia đình bà C đang ở trong khuôn viên nhà đất nói trên, nhưng không giải quyết hậu quả thì không thi hành án được.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà M và bà P đều khẳng định ngôi nhà này được tạo lập ban đầu là do công sức của bà M và con gái là bà P. Thời điểm xây dựng, cải tạo lại nhà sau này thì bà P có đóng góp số tiền 50.000.000 đồng với bà M. Bị đơn ông Lê Thanh T và một số người liên quan khác lại cho rằng bà P không có đóng góp gì trong việc xây dựng và cải tạo ngôi nhà, mà chủ yếu là tiền của các người bà con của bà M từ nước ngoài gửi về để xây nhà. Nhưng cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất làm rõ để xác định tài sản này thuộc sở hữu của một mình bà M hay là của cả bà M và bà P để xác định tư cách tham gia tố tụng của bà P. Trong trường hợp bà P có đóng góp tiền với bà M để xây dựng ngôi nhà này phải đưa bà P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bà P cho rằng hiện nay bà cho bà M số tiền 50.000.000 đồng để xây nhà, nay bà không tranh chấp gì với bà M về quyền sở hữu ngôi nhà nữa.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án sơ thẩm đã có những sai sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thị xã H giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T, bà C không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế về “Tranh chấp yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và Hợp đồng tặng cho nhà ở vô hiệu”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M; địa chỉ: Đường N, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Ông Lê Thanh T; địa chỉ: Thôn Dưỡng M, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế để giải quyết lại theo trình tự, thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Thanh T, bà Hoàng Thị Ngọc C không phải chịu, hoàn trả cho ông T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 000491 ngày 02/7/2018; hoàn trả cho bà C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 000515 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT- Huế;
- TAND thị xã H;
- Chi cục THA thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

La Minh Tường